

CHƯƠNG 8

अथ नन्दमधिरलोचनं गृह्यानोत्सुकमुत्सुकोत्सुकं ।

अभिगम्य शिवेन चक्षुषा श्रमणः कश्चिदुवाच मैत्रया ॥ १ ॥

Lúc bấy giờ, có một vị tỷ khưu, với vẻ mặt đầy thiện cảm, đã đến gần và từ màn chuyện trò với Nanda, lúc ấy ánh mắt đang hoang mang, và mong muốn trở về nhà với nỗi ước ao sôi sục: (1)

किमिदं मुखमश्रुर्दिनं हृदयस्थं विवृणोति ते तमः ।

धृतिमेहि नियच्छ विक्रियां न हि बाष्पश्च शमश्च शोभते ॥ २ ॥

- "Phải chăng khuôn mặt ủ dột đầy nước mắt này chứng tỏ rằng đệ đang có sự sầu muộn trong tâm ? Đệ phải cũng còi lên và hãy kiềm chế sự xúc động, bởi vì nước mắt và sự an tĩnh không tương hợp với nhau." (2)

द्विविधा समुदेति वेदना नियतं चेतसि देह एव च

श्रुतविध्युपचारकोविदा द्विविधा एव तपोधिकृतिसक्ताः ॥ ३ ॥

"Cảm thọ (sự khổ) được sanh lên bởi hai cách: liên hệ đến tâm hoặc chỉ liên quan đến thân. Thầy thuốc chữa bệnh cũng có hai hạng: người thông thạo các phương pháp đã được truyền thừa, và kẻ rành rẽ trong việc chữa trị trực tiếp bằng thuốc men." (3)

तदियं यदि कायिकी रुजा भिषजे तूर्णमनूनमुच्यतां ।

विनिगुह्य हि रोगमातुरो नशिरातीवमनर्थमृच्छति ॥ ४ ॥

"Do đó, nếu bệnh thuộc về thân, bệnh nhân nên tức thời dứt trọn niềm tin vào một vị thầy thuốc; bởi vì, nếu giấu diếm bệnh tình, thì không bao lâu bệnh nhân sẽ lâm vào tình thế bất lợi." (4)

अथ दुःखमिदं मनोमयं वदं वक्ष्यामि यदत्र भेषजं ।

मनसो हि रजस्तमस्विनो भिषजोऽध्यात्मविदः परीक्षकाः ॥ ५ ॥

"Giờ đây, nếu sự khổ sở này do tâm gây nên thì đệ hãy trình bày, huynh sẽ chỉ cho phương thuốc điều trị thích hợp; bởi vì, đối với những trường hợp bệnh gây nên do sự ô nhiễm của tâm, người thầy thuốc cần hiểu rõ tận tường tâm lý và phải có sự xem xét kỹ lưỡng." (5)

निखिलेन च सत्यमुच्यतां यदि वाच्यं मयि सौम्य मन्यसे ।

गतयो विविधा हि चेतसां बहुगुह्यानि महाकुलानि च ॥ ६ ॥

"Này đệ thân, nếu đệ nghĩ rằng có thể thổ lộ với huynh, thì đệ hãy trình bày sự thật cho rõ ràng; bởi vì, sự vận hành của tâm rất là phức tạp, với nhiều nỗi uẩn khúc, và vô cùng rối rắm." (6)

इति तेन स चोदितस्तदा व्यवसायं प्रविबध्नुरात्मनः ।

अवलम्ब्य करे करेण तं प्रविवेशान्यतरद्भनान्तरं ॥ ७ ॥

Sau đó, được khích lệ bởi vị tỷ khưu và bản thân cũng muốn trình bày ý định của mình, cho nên, Nanda cùng vị tỷ khưu, tay nắm tay, đi sâu vào trong khu rừng đến một khu vực khác. (7)

अथ तत्र शुचौ लतागृहे कुसुमोद्धारिणि तौ निषेदतुः ।

मुहुर्भिर्मृदुमारुतेरितिरुपगृहाविव बालपङ्क्तयैः ॥ ८ ॥

Rồi ở nơi đó, hai người ngồi dưới một lùm giầy leo tuột mát, với hoa rai là tả như là đang món tròn hai người bằng những búp non mềm mại được mang đến bởi những làn gió dịu dàng. (8)

स जगाद् ततश्चिकीर्षितं घननिवासगृहीतमन्तरा ।

श्रुतवाग्विशदाय भिक्षवे विदुषा प्रव्रजितेन दुर्वचं ॥ ९ ॥

Sau đó, giữa những cơn nức nở và hơi thở nặng nề, Nanda đã nói lên ý định, khó có thể trình bày bởi một vị xuất gia có học thức, đến vị tỷ khưu ấy là một vị có trí sáng suốt trong học tập và giảng dạy. (9)

सदृशं यदि धर्मचारिणः सततं प्राणिषु मैत्रचेतसः ।

अपृती यदियं हितैषिता मयि ते स्यात्वरुणात्मनः सतः ॥ १० ॥

- "Điều rõ rệt là người nào hành theo Giáo-pháp thì luôn có tâm từ mẫn đối với chúng sanh; vì thế, huynh đây là người tốt và có tâm thương xót, vậy huynh cần phải giúp đỡ đệ là kẻ không có ý chí." (10)

अत एव च मे विशेषतः प्रविवक्षा क्षमवादिनि त्वयि ।

न हि भावमिमं चलात्मने कथयेयं ब्रुवतेऽप्यसाधवे ॥ ११ ॥

"Cũng chính vì thế, đệ mong muốn chỉ trình bày riêng với huynh, là người biết khuyên giải điều hay lẽ phải; bởi vì, đệ không thể nói lên tâm sự này đến những người có tâm địa không tốt và có nội tâm chao động, cho dù người ấy có tài biện giải." (11)

तदिदं शृणु मे समासतो न रमे धर्मविधावृते प्रिया ।

गिरिसानुषु कामिनीमृते कृतेरेता इव किंनरध्वजः ॥ १२ ॥

“Vậy xin hãy nghe đệ trình bày việc này một cách tổng quát, là đệ không được hoan hỷ trong việc thực hành Giáo-pháp do sự thiếu vắng người yêu; cũng giống như là loài kinnara, lang thang khắp các đỉnh núi, với lòng ngập tràn đau khổ vì thiếu vắng tình nhân.” (12)

वनवाससुखात्पराङ्मुखः प्रियायासा गृहमेव येन मे ।

न हि शर्म लभे तथा विना नृपतिर्हीन इवोत्तमश्रिया ॥ १३ ॥

“Đệ chối từ sự an lạc trong việc ngụ cư ở rừng và chỉ mong muốn trở về nhà, bởi vì vắng nàng đệ không được hạnh phúc; giống như một vị quân vương mà không có vinh quang thì cũng không sung sướng.” (13)

अथ तस्य निशम्य तद्वचः प्रियभार्याभिमुखस्य शोचतः ।

श्रमणः स शिरः प्रकम्पयन्नजगादात्मगतं शनैरिदं ॥ १४ ॥

Nghe xong câu chuyện của Nanda, trong lúc chàng đang sầu khổ bởi tâm đang nghĩ về người vợ yêu dấu, vị tỷ khuu ấy lắc đầu và chậm rãi nói điều này, như là đang nói với chính mình: (14)

कृपणं वत यूथलालसो महतो व्याघ्रभयाद्दिनिःसृतः ।

प्रविविक्षति बागुरा मृगश्चपलो गीतरयेण वञ्चतः ॥ १५ ॥

- “Tội nghiệp thay cho con nai đã được thoát khỏi sự hiểm nguy ghê sợ từ người thợ săn, lại thích đùa giỡn với bày đàn để bị đánh lừa bởi tiếng kêu như tiếng hát, và còn muốn chạy vào lại trong chiếc bẫy thú.” (15)

विहगः सल्लु जालसंवृतो हितकामेन जनेन मोक्षितः ।

विचरन्फलपुष्पबद्धं प्रविविधुः स्वयमेव पञ्जरं ॥ १६ ॥

"Gàa đúng như vậy, giống như một con chim bị sa vào lưới và được một người chuyên làm việc thiện cứu thoát, sau khi đã bay dạo khắp khu rừng đầy hoa trái, lại còn muốn tự mình chui vào bẫy." (16)

कलभः करिणा सल्लुतो बहुपङ्काद्विषमालदीतलात् ।

जलतर्पवशेन तां पुनः सरितं ग्राहयती तितीर्षति ॥ १७ ॥

"Gàa đúng như vậy, một con voi đã được voi mẹ kéo lên khỏi bờ sông đầy bùn nguy hiểm, lại còn muốn lội xuống con sông lắm cá sấu kia một lần nữa chỉ vì con khát nước." (17)

शरणे सभुजंगमे स्वप्नप्रतिबुद्धेन परेण बोधितः ।

तरुणः सल्लु जातविभ्रमः स्वयमुग्रं भुजगं जिघृक्षति ॥ १८ ॥

"Gàa đúng như vậy, một đứa trẻ đang ngủ mê ở trong nhà có rắn dữ, được một người khác có trí tuệ đánh thức dậy, lại sanh tâm nghịch ngợm muốn tự mình nắm giữ con rắn dữ tợn ấy." (18)

महता सल्लु जातवेदसा ज्वलिताहुत्पतितो बन्धुमात् ।

पुनरिच्छति नीढतृष्णाया पतितं तत्र गतव्यथो द्विजः ॥ १९ ॥

"Gàa đúng như vậy, một con chim đã bay thoát khỏi một thân cây đang bị bốc cháy ở trong rừng bởi một ngọn lửa dữ dội, và đã thoát khỏi hiểm nguy, vẫn còn muốn bay trở lại vào trong đám lửa vì tiếc nuôi cái tổ ấm của mình." (19)

अवशः खलु काममूर्ख्या प्रियया श्येनभयाद्दिनाकृतः ।

न घृतिं समुपैति न हिर्यं करुणं जीवति जीवजीवकः ॥ २० ॥

“Quả đúng như vậy, một con chim đa đa, không được tự do theo đuổi chuyện ái tình, và bị chia cách với người yêu vì nỗi lo sợ gây nên bởi chim điêu hâu, đã không có được sự tự chủ, còn không biết hổ thẹn, nên đành phải kéo lê một cuộc sống thảm thương.” (20)

अकृतात्मतया तृषान्वितो घृणया चैव धिया च चर्जितः ।

अशनं खलु वान्तमात्मना कृपणः श्वा पुनरत्तुमिच्छति ॥ २१ ॥

“Quả đúng như vậy, một con chó đáng thương không biết tự lượng sức mình lại tham lam, không biết hổ thẹn lại chẳng có chút thông minh, nên mới mong muốn ăn vào lại thức ăn mình đã ói ra.” (21)

इति मन्मथशोककर्षितं तमनुध्याय मुहुर्निरीक्ष्य च ।

श्रमणः स हिताभिकाङ्क्षया गुणवद्वाक्यमुवाच विप्रियं ॥ २२ ॥

Với vẻ đăm chiêu nhìn lại Nanda, lúc ấy đang đăm chiêu chìm trong sự sầu muộn bởi yêu đương, vị tỷ khuê ấy, vì mong muốn sự lợi ích cho Nanda, nên mới nghiêm khắc nói lên những lời có giá trị đạo đức như vậy. (22)

अविचारयतः शुभाशुभं विषयेष्वेव निविष्टचेतसः ।

उपपन्नमलब्धचक्षुषो न रतिः श्रेयसि चेद्भवेत्तव ॥ २३ ॥

- “Do không phân biệt được tịnh và bất tịnh nên tâm dễ bị vướng mắc vào các đối tượng của giác quan, và trí kiến của đệ chưa được đặt đúng hướng; nếu có thể, đệ chớ nên tìm cầu khoái lạc ở sự tuyệt mỹ.” (23)

श्रवणे ग्रहणेऽथ धारणे परमार्थावगमे मनःशमे ।

अविषक्तमतेश्चलात्मनो न हि धर्मेऽभिरतिर्विधीयते ॥ २४ ॥

"Bởi vì, đối với kẻ có nội tâm chao động, trí tuệ không được gắn liền trong sự học hỏi và sự hiểu biết, trong sự ghi nhớ và nhận thức được chân lý tối thượng, trong sự thanh tịnh của tâm thức, thì kẻ ấy không thể nào hưởng được hỷ lạc tuyệt vời của Giáo-pháp." (24)

विषयेषु तु दोषदर्शिनः परितुष्टस्य शुचेरमानिनः ।

शमकर्मसु युक्तचेतसः कृतबुद्धेर्न रतिर्न विद्यते ॥ २५ ॥

"Nhưng đối với người thấy được sự bất tịnh ở các đối tượng của giác quan, có sự hài lòng toàn diện, trong sạch, không ngả mạn, tâm gắn liền với các việc thiện, và trí giác ngộ đã được thiết lập, thì kẻ ấy không thể nào không có sự hoan hỷ trong Giáo-pháp." (25)

रमते तुषितो धनश्रिया रमते कामसुखेन बालिशः ।

रमते प्रशमेन सज्जनः परिभोगान्परिभूय विद्यया ॥ २६ ॥

"Kẻ tham lam thì thỏa thích với vẻ hào nhoáng của tài sản, kẻ khờ dại thì đắm mình trong khoái lạc yêu đương, còn người khôn ngoan, với trí tuệ thông minh, thì không màng đến vật chất, và chỉ hoan hỷ trong sự an tịnh." (26)

अपि च प्रथितस्य धीमतः कुलजस्यार्चितलिङ्गधारिणः ।

सदृशी न गृहाय चेतना प्रणतिर्वापुवशाद्विरेव ॥ २७ ॥

"Hơn thế nữa, với người có tiếng tăm, khôn ngoan, nắm giữ truyền thống vẻ vang của gia đình, thì ý định trở về

lại nhà là không hợp lý; cũng giống như là sự chao đảo của một ngọn núi trước sức mạnh của cơn gió là vô lý vậy.” (27)

स्पृहयेत्परसंस्थिताय यः परिभूयात्मवशां स्वतन्त्रतां ।

उपशान्तिपथे शिवे स्थितः स्पृहयेदोषवते गृहाय सः ॥ २८ ॥

“Đối với người không quan tâm đến sức mạnh của bản thân, đến sự tự chủ của cá nhân, lại thích thú trong sự gắn bó với kẻ khác, thì kẻ ấy, dù đang đứng trong đạo lộ thánh thiện của sự tịch tịnh, cũng lại ham thích trở về nhà là nơi chốn chứa đầy phiền não.” (28)

व्यसनाभिहतो यथा विशेषपरिमुक्तः पुनरेव बन्धनं ।

समुपेत्य वनं तथा पुनर्गृहसंज्ञं मृगयेत बन्धनं ॥ २९ ॥

“Giống như một người đã được thoát khỏi cảnh tù ngục, nhưng đến khi gặp chuyện rủi ro lại quay trở về sống trong cảnh giam cầm; cũng tương tự như thế ấy, một người đã dần thân vào sống ở trong rừng, lại còn muốn theo đuổi trở lại sự ràng buộc trong cuộc sống tại gia.” (29)

पुरुषश्च विहाय यः कलिं पुनरिच्छेत्कलिमेव सेवितुं ।

स विहाय भजेत् बालिशः कलिभूतामजितेन्द्रियः प्रियां ॥ ३० ॥

“Một nam nhân, khi đã thoát khỏi điều tệ hại, lại mong muốn quay lại làm nô lệ cho những điều tệ hại ấy; thì cũng chính kẻ ngu khờ ấy, khi đã từ bỏ người yêu là màn mớng của những điều tệ hại, lại có thể quy lụy nàng, chỉ vì không thể khuất phục được các giác quan của chính mình.” (30)

सविषा इव संश्रिता लताः परिमृष्टा इव सोरगा गुहाः ।

विवृता इव चासयो धृता व्यसनान्ता हि भवन्ति योषितः ॥ ३१ ॥

"Bởi vì nữ nhân là mấu chốt đưa đến bất hạnh, ví như giống giầy leo với chất độc hại nếu sờ vào, ví như những hang sâu đầy rắn rết nếu vào thám hiểm, ví như lưỡi guâm đã rút ra khỏi vỏ nếu chạm đến, tất cả đều là những mấu chốt đưa đến hiểm nguy." (31)

प्रमदाः समदा मदप्रदाः प्रमदा वीतमदा भयप्रदाः ।

इति दोषभयावहाश्च ताः कथमहन्ति निषेवनं नु ताः ॥ ३२ ॥

"Nữ nhân khi có cơn đam mê nhục dục sẽ đem lại sự say đắm, và nữ nhân với sự đam mê nhục dục không còn sẽ đem lại điều lo ngại. Như thế, nữ nhân chỉ là nguồn gốc của tội lỗi và nỗi lo ngại, thế thì tại sao nữ nhân lại xứng đáng để mà thân cận ?" (32)

स्वजनः स्वजनेन भिद्यते सुहृदश्चापि सुहृज्जनेन यत् ।

परदोषविचक्षणाः शयास्तदुपायाः प्रचरन्ति योषितः ॥ ३३ ॥

"Nữ nhân thường xảo quyết, dối xử tệ bạc, khéo nhận biết yếu điểm của kẻ khác, vì họ mà thân quyến và thân quyến chia rẽ với nhau, thậm chí cả bạn bè thân tín cũng chia rẽ lẫn nhau nữa." (33)

कुलजाः कृपणीभवन्ति यद्यद्युक्तं प्रचरन्ति साहसं ।

प्रविशन्ति च यच्चमुमुखं रभसास्तत्र निमित्तमङ्गनाः ॥ ३४ ॥

"Trong trường hợp này, nữ nhân là đối tượng nguy hiểm; vì họ mà những chàng trai xuất thân gia đình giàu có trở nên thê thảm, hành động thiếu suy nghĩ và không

thích hợp, lại còn dấn thân vào việc đối địch với đám quân thù." (34)

वचनेन हरन्ति कल्पुना निशितेन प्रहरन्ति चेतसा ।

मधु तिष्ठति बाधि योषिता हृदये हालहलं महद्विषं ॥ ३५ ॥

"Nữ nhân lời cuốn bằng lời nói thanh tao và chính phục nhờ vào tâm ý sắc sảo. Ở đầu mũi chót lưỡi của nữ nhân là một ngọt, nhưng chất độc đủ tợn chết người chất chứa ở trong tim." (35)

प्रदहन्दहनोऽपि गृह्यते विशरीरः पवनोऽपि गृह्यते ।

कुपितो भुजगोऽपि गृह्यते प्रमदानां तु मनो न गृह्यते ॥ ३६ ॥

"Thậm chí một ngọn lửa đang cháy bùng còn bị dập tắt, thậm chí một ngọn gió vô hình còn bị cản lại, thậm chí một con rắn dữ tợn đang cơn thịnh nộ còn bị chế ngự, nhưng tâm ý nữ nhân thì không cách nào hiểu được." (36)

न वपुर्विमृशन्ति न श्रियं न मतिं नापि कुलं न विक्रमं ।

प्रहरन्त्यविशेषतः स्त्रियः सरितो ग्राहकुलाकुला इव ॥ ३७ ॥

"Không cách nào hiểu được nữ nhân qua cơ thể, bởi sắc đẹp, hay tâm lý, luôn cả bởi gia tộc, hay nhờ vào phẩm cách. Nữ nhân tương tự nhau ở một điểm là họ giống như những dòng sông có chứa đầy những bãi cá sấu." (37)

न वचो मधुरं न लालनं स्मरति स्त्री न च सौहृदं क्वचित् ।

कलिता वनितैव चञ्चला तदिहारिष्विव नावलम्ब्यते ॥ ३८ ॥

"Bất cứ ở nơi đâu, điều nữ nhân quan tâm đến không phải là lời dịu ngọt, không phải là sự mạn trôn, cũng chẳng phải là sự thương yêu; ngay cả nữ nhân có giáo dục vẫn có tâm tánh bất thường. Bởi thế, ở thế gian này, chớ có tin cậy nữ nhân, cũng giống như là chớ có tin cậy kẻ thù vậy." (38)

अददत्सु भवन्ति नर्मदाः प्रददत्सु प्रविशन्ति विभ्रमं ।

प्रणतेषु भवन्ति गर्विताः प्रमदास्तुत्तराश्च मानिषु ॥ ३९ ॥

"Nữ nhân thường đùa giỡn với những ai không quá cấp, nhưng với những người có phẩm vật họ lại làm ra vẻ kiêu cách, còn với những người nịnh bợ họ làm ra vẻ kiêu kỳ, và họ tỏ ra hết lòng biệt đãi đối với những người được trọng vọng." (39)

गुणवत्सु चरन्ति भर्तृवद्गुणहीनेषु चरन्ति पुत्रवत् ।

धनवत्सु चरन्ति तृष्णया धनहीनेषु चरन्त्यवज्ञया ॥ ४० ॥

"Nữ nhân cư xử bằng thái độ của người chồng đối với những người có hạnh kiểm tốt; họ tỏ bày thái độ của người con đối với những kẻ họ lười; họ tiếp xúc với vẻ khát khao đối với những người giàu có; còn đối với những người khốn khổ, họ đối đãi bằng hành động khinh miệt." (40)

विषयाद्विषयान्तरं गता प्रचरत्येव यथा हतापि गौः ।

अनवेक्षितपूर्वसौहृदा रमते अन्यत्र गता तथाङ्गना ॥ ४१ ॥

"Giống như một con bò cái, dù đã được (mục đồng) canh giữ, vẫn đi đi lại lại từ nơi này đến nơi khác để ăn cỏ; cũng giống như thế ấy, nữ nhân không quan tâm

đến người yêu cũ mà lại đi đến với người khác để hưởng niềm vui thú.” (41)

प्रविशन्त्यपि हि स्त्रियश्चितामनुब्रन्त्यपि मुक्तजीविताः ।

अपि विभ्रति नैव यन्त्रणा न तु भावेन वहन्ति सौहृदं ॥ ४२ ॥

“Bởi vì, tuy rằng nữ nhân bước lên giàn hỏa, tuy rằng họ có lòng oán bỏ và từ bỏ mạng sống, tuy rằng họ tuân theo những điều cấm đoán, nhưng họ vẫn không thất lòng với người bạn đường của chính mình. ” (42)

रमयन्ति पतीन् कथंचन प्रमदा याः पतिदेवताः क्वचित् ।

चलचित्ततया सहस्रशो रमयते हृदयं स्वमेव ताः ॥ ४३ ॥

“Đối với những nữ nhân xem chồng như thiên thần, và đem lại niềm khoái lạc cho chồng với bằng mọi cách và bất cứ ở nơi đâu, nhưng với tâm tánh bất thường, họ vẫn tạo khoái lạc riêng cho chính họ cả ngàn lần. ” (43)

अपचं किल सेनजित्सुता चकमे मीनरिपुं कुमुद्वती ।

मृगराजमथो बृहद्रथा प्रमदानामगतिर्न विद्यते ॥ ४४ ॥

“Truyền thuyết kể rằng con gái của Senajit (Sê-nô-jít) thương một người giai cấp hạ tiện, Kumudvati (Kù-mù-đ-vá-ti) thương một ngư dân, Bṛhadrathà (B-rí-há-đ-rá-tha) yêu một con sư tử; như thế, không một hành động nào mà nữ nhân lại không dám làm.” (44)

कुरुहैहयवृष्णिर्वंशजा बहुमायाकवचोऽथ शम्बरः ।

मुनिरुग्रतपाश्च गौतमः समवापुर्वनितोद् रजः ॥ ४५ ॥

"Các vị công tử giòng họ Kuru (Kù-nú), Haihaya (Hai-há-yá), Vṛṣṇi (V-rí-s-ni), luôn có phi nhân Sāmbhara (Sâm-bá-rá) với nhiều câu đùa chủ lĩnh nghiêm, và có vị ẩn sĩ Gautama (Gau-tá-má) với sự khổ hạnh phi thường, đều bị ô nhiễm gây nên bởi nữ nhân." (45)

अकृतज्ञमनार्यमस्थिरं वनितानामिदमीहशं मनः ।

कथमर्हति तासु पण्डितो हृदयं सञ्जयितुं चलात्मसु ॥ ४६ ॥

"Tâm tánh của nữ nhân thường bội bạc, kém cỏi, và thất thường. Tại sao một người có trí tuệ lại có thể gần bó trái tim mình vào những nữ nhân có tánh tình chao đảo như thế ấy ? " (46)

अथ सूक्ष्ममति द्रुयाशिवं लघु तासां हृदयं न पश्यसि ।

किमु कायमसङ्गहं खण्डनितानामशुचिं न पश्यसि ॥ ४७ ॥

"Nếu đệ không thể nhận ra được trái tim của nữ nhân là nhẹ dạ, lại hơi hạt, và tẻ hại gấp hai lần, không ít thì nhiều không lẽ đệ không nhận thấy được cơ thể của nữ nhân là bất tịnh, là nơi chứa chứa và tiết ra những chất dơ bẩn ? " (47)

यदहन्यहनि प्रधावनैर्वसनैश्चाभरणैश्च संस्कृतं ।

अशुभं तमसावृतेक्षणः शुभतो गच्छसि नावगच्छसि ॥ ४८ ॥

"Bởi vì đệ không biết được rằng sự quan sát của đệ đã bị sự mê mờ che ánh, cho nên, điều đệ cho rằng là vẻ yếu đuối cũng chỉ là sự bất tịnh, đã được khéo che đậy bởi sự tắm rửa hàng ngày, bôi lụa là, và các đồ trang sức." (48)

अथवा समवैषि तत्तन्मशुभां त्वं न तु संविदस्ति ते ।

सुरभिं विदधासि हि क्रियामशुचेस्तत्प्रभवस्य शान्तये ॥ ४९ ॥

“Có lẽ đệ cũng nhận biết rằng cơ thể của nữ nhân là bất tịnh, nhưng chẳng qua đệ thiếu sự sáng suốt; bởi vì, đệ chỉ quan tâm đến cử chỉ duyên dáng mà bỏ qua bản chất dơ bẩn thật sự của cơ thể họ.” (49)

अनुलेपनमञ्जनं स्रजो मणिमुक्तातपनीयमंशुर्ह ।

यदि साधु किमत्र योषितां सहजं तासु विचीयतां शुचि ॥ ५० ॥

“Nếu các thứ phấn son, vòng hoa, đá quý, ngọc trai, vàng, và xiêm y là tốt đẹp, vậy thì ở đây, cái gì là bản thể nguyên thủy của nữ nhân ? Cái gì đẹp để được tìm thấy ở nơi họ ?” (50)

मलयङ्कुधरा दिगम्बरा प्रकृतिस्थैर्नखदन्तरोमभिः ।

यदि सा तव सुन्दरी भवेन्नियतं तेऽद्य न सुन्दरी भवेत् ॥ ५१ ॥

“Nếu nàng Sundari của đệ vẫn còn giữ trên thân thể những câu đất và bụi bặm, không xiêm y, với móng tay chân, răng, tóc ở trạng thái tự nhiên chưa trang điểm, thì đệ sẽ không thấy nàng đẹp nữa.” (51)

स्रवतीमशुभिं स्पृशेच कः सद्यो जर्जरभाण्डवत्स्त्रियं ।

यदि केवलया त्वचावृता न भवेन्मक्षिकपञ्चमात्रया ॥ ५२ ॥

“Và nếu như nữ nhân không được phủ lên một lớp da chỉ dày như cánh của một con ruồi, thì với bản tánh miệt thị, nam nhân nào lại có thể sờ đến nữ nhân với những chất tiết ra dơ bẩn, giống y như là một hủ mắm bị vỡ vỡ ? ” (52)

त्वचवेहितमस्थिपञ्जरं यदि कायं समवैषि योषिता ।

मदनेन च कृष्यसे बलादघूणः सत्वधृतिश्च मन्मथः ॥ ५३ ॥

“Nếu đệ biết được rằng thân thể của nữ nhân chỉ là một bộ xương được bao bọc bởi một lớp da như vậy vẫn còn bị lôi cuốn do mãnh lực của sự đam mê; như thế, một người khi đã yếu, thì không còn sự miệt thị và cũng không còn tự chủ nữa.” (53)

शुभतामशुभेषु कल्पयन्नसदन्तत्वचकेशरोमसु ।

अविचक्षण किं न पश्यसि प्रकृतिं च प्रभवं च योषिता ॥ ५४ ॥

“Nếu đệ đã bị mê mẩn rồi cho rằng những thứ bất tịnh như móng, răng, da, tóc, lông kia là đẹp đẽ, thì hỏi anh chàng rồ dại kia ơi, bộ đệ không nhận thức được bản chất thật sự và nguồn gốc của nữ nhân hay sao ?” (54)

तद्वेत्य मनःशरीरयोर्वनिता दोषयतीर्विशेषतः ।

चपलं भवनोत्सुकं मनः प्रतिसंख्यानबलेन वार्यतां ॥ ५५ ॥

“Bà thế, đệ phải biết rằng nữ nhân có nhiều khuyết điểm thuộc về tinh thần lẫn thể xác một cách cá biệt. Với công năng của sự quán xét, đệ hãy dứt bỏ ý định mong muốn trở về nhà nàng nài ấy đi.” (55)

श्रुतवान्मतिमान् कुलोद्भूतः परमस्य प्रशमस्य भाजनं ।

उफाम्य यथातथा पुनर्न हि भेतुं नियमं त्वमर्हसि ॥ ५६ ॥

“Bà vì đệ là người có học thức, thông minh, xuất thân gia đình danh giá, có mục đích là sự tịch tịnh tối thượng, đệ cứ như thế mà duy trì sự tu tập, không nên bỏ cuộc nữa chừng.” (56)

अभिजनमहतो मनस्विनः प्रिययशसो बहुमानमिच्छतः ।

निधनमपि वरं स्थिरात्मनश्च्युतयिनस्य न चैव जीवितं ॥ ५७ ॥

"Đối với nam nhân thuộc dòng dõi cao sang, có trí tuệ và danh vọng, ước muốn hoài bão lớn lao, thì tuy rằng chết nhưng có được tâm ý kiên định, còn hơn là sống còn nhưng sự tu tập bị đổ vỡ." (57)

बद्ध्वा यथा हि कवचं प्रगृहीतचापो

निन्द्यो भवत्यपसृतः समराद्रथस्थः ।

भैक्षकमभ्युपगतः परिगृह्य लिङ्गं

निन्द्यस्तथा भवति कामहृतेन्द्रियाश्च ॥ ५८ ॥

"Bởi vì, giống như một nam nhân khoác lên chiến bào, cầm cung dứng trên xe ngựa rồi bái chiến trường chạy trốn, thì thật là đáng chê bai; cũng tương tự như thế, một người đã khoác lên biểu tượng y cô-sa và thành tựu phẩm hạnh từ khẩu, lại để các giác quan ví như tuần mã, bị xâm chiếm bởi sự đam mê dục tình, thì cũng đáng chê trách lắm!" (49)

हास्यो यथा च परमाभरणाम्बररत्नम्

भैक्षं चरन्धृतधनुश्चलचित्रमौलिः ।

वैरूप्यमभ्युपगतः परपिण्डभोजी

हास्यस्तथा गृहसुखाभिमुखः सत्पुण्यः ॥ ५९ ॥

"Cũng giống như một người đi xin ăn, lại mang trên người cung tên, tràng hoa, y phục, và đồ trang sức hào hạng, thêm vào cái búi tóc dùng đưa đủ màu sắc rực

rõ thì thật đáng nực cười; cũng y như thế ấy, một nam nhân đã cạo đầu, mặc y hoại sắc, sống bằng thức ăn do người khác bố thí, lại khát khao quay trở về với những khoái lạc của đời sống tại gia thì cũng đáng cười thay!" (49)

यथा स्वप्नं भुक्त्वा परमशयनीयेऽपि शयितो

बराहो निर्मुक्तः पुनरशुचि धावेत्परिचितं ।

तथा श्रेयः शृण्वन्प्रशमसुखमास्वाद्य गुणवद्

वनं शान्तं हित्वा गृहमभिलषेत्कामतुषितः ॥ ६० ॥

"Giống như một con lợn, được ăn thức phẩm ngon lành, mặc dầu được cho ngủ trên chỗ nằm sạch sẽ, nhưng khi được thả rông vẫn chạy trở về lại khu vực quen thuộc nhưng bẩn thỉu của nó; cũng như thế ấy, một người có phẩm cách, được giảng dạy điều hay lẽ phải, đang tận hưởng niềm an lạc của sự tịch tịnh, lại từ bỏ khu rừng thanh vắng, ao ước trở về lại nhà chỉ vì khao khát chuyện yêu đương!" (60)

यथोक्ता हस्तस्था दहति पवनपेरितशिखा

यथा पादाकान्तो दशति भुजगः क्रोधरभसः ।

यथा हन्ति व्याघ्रः शिशुरपि गृहीतो गृहगतः

तथा स्त्रीसंसर्गो बहुविधमनर्थाय भवति ॥ ६१ ॥

"Giống như một ngọn đuốc, được cầm ở tay, sẽ làm phỏng khi ngọn lửa bị gió thổi ngược lại; giống như một con rắn, khi giận dữ thường rất nhanh nhẹn, sẽ cắn khi bị chân đạp trúng; giống như một con cạp bị bắt và

nuôi ở trong nhà, mặc dù còn nhỏ cũng giết người được; cũng như thế ấy, thân cận với nữ nhân thì bất lợi về nhiều mặt. " (61)

तद्विज्ञाय मनःशरीरनियताञ्जरीषु दोषानिमान्

मत्वा कामसुखं नदीजलचलं ह्लेशाय शोकाय च ।

दृष्ट्वा दुर्बलमामपात्रसदृशं मृत्यूपसृष्टं जगत्

निर्मोक्षाय कुरुष्व बुद्धिमतुलामुत्कण्ठितुं नाहसि ॥ ६२ ॥

"Như thế, khi đã thấu rõ những khuyết điểm liên quan đến tâm tánh và thân thể của nữ nhân, khi đã hiểu được khoái lạc yêu đương rồi sẽ qua đi như nước chảy ở dòng sông còn đem lại những ưu tư sầu muộn, và khi đã nhận thức được rằng thế gian này là mong manh, là hang ổ của bệnh tật, và bị công kích bởi tử thần; do đó, để chớ nên hối tiếc, vì mục đích giải thoát hãy tu tập để đạt được sự giác ngộ vô song. " (62)

सौन्दरनन्दे महाकव्ये स्त्रीविघातो नानाष्टमः सर्गः ।

Chương thứ tám "Chương ngại từ nữ nhân"
của bộ trường thi "Saundarananda"